TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-ST

Ngày: 16/6/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hùng và bà Đặng Thị Hồng Duyên.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/TLST - HS ngày 07 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/ QĐXXST-HS ngày 30/5/2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thế T, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1986, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ A, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;
Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Phạm Thế V, sinh năm 1949; Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Có vợ là Hoàng Thị H1, sinh năm 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại tổ A, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn H2, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1991, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Trần Văn S, sinh năm 1966 (đã chết); Con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; Có vợ là Đỗ Thị Ngọc Á, sinh năm 1993; Có 01 con sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hải N1, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1984, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKTT: Tổ B, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai; chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Hải H3 (đã chết); Con bà Ngô Thị N2, sinh năm 1964. Có vợ là Ngô Bích L, sinh năm 1988 và 02 con, cùng sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Viết C, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1983, tại Hà Nội; Nơi ĐK TT: Số nhà C, ngõ A, tổ A, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Viết H4, sinh năm 1954; Con bà Hạ Thị H5, sinh năm 1954; Có vợ là Lê Thị H6, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Quang H7, sinh ngày 04 tháng 7 năm 1981, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ A, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1949; Con bà Nguyễn Thị H8, sinh năm 1952. Vợ là Phạm Thị Thu H9, sinh năm 1985; Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại tổ A, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Anh T2, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1987, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn N, xã Â, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 07/5/2025 theo quyết định số 130-QĐ/ĐU ngày 12/5/2025 của Đảng uỷ Công ty Cổ phần V5 Đảng bộ Tổng công ty Đ1. Con ông: Nguyễn Văn N3, sinh năm 1960; Con bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1963. Vợ là Đặng Thị Thu H10, sinh năm 1988; Có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại thôn N, xã Â, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Quang T3, sinh ngày 10 tháng 04 năm 1971, tại tỉnh Hà Nam; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Lê Quang B (đã chết); Con bà Nguyễn Thị T4 (đã chết); có vợ là Đào Thu H11, sinh năm 1975; Có hai con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Quang H12, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1986, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐK TT và chỗ ở: Tổ dân phố P, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Lê Xuân Q, sinh năm 1957; Con bà Trương Thị Xuân H13, sinh năm 1964. Vợ là Bùi Thị H14, sinh năm 1990; Có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại tổ dân phố P, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Ngọc V1, sinh ngày 19 tháng 04 năm 1994, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Y, xã M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Lê Minh T5, sinh năm 1961; Con bà Nguyễn Thị Hồng V2, sinh năm 1967; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại thôn Y, xã M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

10. Đỗ Thị H15, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1984, tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 07/5/2025 theo quyết định số 131-QĐ/ĐU ngày 12/5/2025 của Đảng uỷ Công ty Cổ phần V5 Đảng bộ Tổng công ty Đ1. Con ông: Đỗ Xuân K (đã chết); Con bà Phạm Thị T6, sinh năm 1944. Chồng là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979; Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

11. Đỗ Văn T7, sinh năm 1942 (không xác định được ngày, tháng sinh), tại Hải Phòng; Nơi ĐKTT: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Đỗ Văn C2 (đã chết); Con bà Đào Thị V3 (đã chết); Có vợ là Lưu Thị N4, sinh năm 1945; Có 03 con, lớn sinh năm 1967, nhỏ sinh năm 1977; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 19/12/2024; sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện đang tại ngoại tại tổ dân phố H, phường H, thành phố Y. Vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Những người làm chứng:

1. Đào Văn M, sinh năm 1972. Trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

2. Phùng Lâm T8, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

3. Nguyễn Duy Thị L1, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

4. Vũ Duy H16, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

5. Trần Anh V4, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Những người làm chứng có tên nêu trên đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 20 phút ngày 16/12/2024, tại xưởng sửa chữa toa xe Y trong khu vực đầu máy Y thuộc địa phận tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, tổ công tác đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Y phát hiện 11 người bao gồm: Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15, Đỗ Văn T7 đang đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức chơi "xóc đĩa". Tổ công tác đã lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ: số tiền 850.000 đồng tại bàn các đối tượng đang đánh bạc; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 bát sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn. Số tiền tại vị trí ngồi đánh bạc của mỗi người cụ thể: 645.000 đồng của Phạm Thế T; 30.000 đồng của Trần Văn H2; 900.000 đồng của Nguyễn Viết C; 13.000 đồng của Nguyễn Quang H7; 1.717.000 đồng của Nguyễn Anh T2; 211.000 đồng của Lê Quang T3; 500.000 đồng của Lê Quang H12; 1.300.000 đồng của Lê Ngọc V1; 1.047.000 đồng của Đỗ Thị H15 và 650.000 đồng của Đỗ Văn T7. Tổng số tiền những người trên sử dụng vào việc đánh bạc là: **7.863.000 đồng**.

Quá trình điều tra đã xác định: Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 16/12/2024, tại xưởng sửa chữa toa xe Y trong khu vực đầu máy Y thuộc địa phận tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, Phạm Thế T và Đỗ Văn T7 cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi "xóc đĩa". T là người chuẩn bị bát, đĩa sứ lấy sẵn ở trong phòng và cắt 04 quân vị hình tròn từ vỏ bao thuốc lá. T và T7 ngồi đánh bạc trên một chiếc bàn trong phòng. T là người trực tiếp cầm cái điều hành việc đánh bạc. Khi T và T7 đánh bạc được khoảng 10 phút thì có Nguyễn Viết C và Trần Văn H2 vào tham gia đánh bạc cùng. Tiếp đến có Nguyễn Quang

H7, Đỗ Thị H15, Lê Ngọc V1, Nguyễn Anh T2, Nguyễn Hải N1, Lê Quang H12 và Lê Quang T3 đến đánh bạc với những người nêu trên.

Cách thức đánh bạc được quy ước như sau: Người cầm cái đưa 04 quân vị lên đĩa, úp chiếc bát lên rồi xóc và để cho những người chơi đặt cược vào hai bên chẵn, lẻ; chẵn là bên tay phải của người cầm cái, còn lẻ là bên tay trái của người cầm cái. Sau khi mở bát nếu thấy 04 quân vị cùng là mặt màu trắng hoặc cùng là mặt màu đen hoặc là 02 mặt màu trắng, 02 mặt màu đen thì người đặt cửa chẵn thắng cược. Nếu mở bát thấy 03 mặt màu trắng, 01 mặt màu đen hoặc 03 mặt màu đen, 01 mặt màu trắng thì người đặt cửa lẻ thắng cược. Người thắng cược sẽ nhận được số tiền bằng với số tiền đã đặt cược, người thua cược sẽ mất số tiền đã đặt cược, không giới hạn mức đặt cược.

Quá trình đánh bạc còn có Đào Văn M, Phùng Lâm T8, Nguyễn Duy Thị L1, Vũ Duy H16 cũng có mặt ở đó nhưng không tham gia đánh bạc. Khi các đối tượng đánh bạc đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày thì có Trần Anh V4 là người quản lý của T9, đi đến nhìn thấy đã khuyên can những người trên không chơi đánh bạc nữa nhưng không được. Ngay sau đó, tổ công tác đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Y đã phát hiện và bắt quả tang như đã nêu ở trên.

Các bị can khai nhận số tiền mang đi đánh bạc và bị thu giữ cụ thể như sau:

Phạm Thế T mang theo 950.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì T đang thua 5.000 đồng, đã đặt cược 300.000 đồng tại bàn, bị thu giữ số tiền 645.000 đồng.

Trần Văn H2 mang theo 230.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì H2 đang thua 200.000 đồng, bị thu giữ số tiền 30.000 đồng.

Nguyễn Hải N1 mang theo 14.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì N1 đã bị thua hết tiền.

Nguyễn Viết C mang theo 1.050.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì C đang thắng 50.000 đồng, đã đặt cược 200.000 đồng tại bàn, bị thu giữ số tiền 900.000 đồng.

Nguyễn Quang H7 mang theo 13.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì H7 đang hòa tiền, bị thu giữ số tiền 13.000 đồng.

Nguyễn Anh T2 mang theo 1.416.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì T2 đang thắng 401.000 đồng, đã đặt cược 100.000 đồng tại bàn, bị thu giữ số tiền 1.717.000 đồng.

Lê Quang T3 mang theo 360.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì T3 đang thua 49.000 đồng, đã đặt cược 100.000 đồng tại bàn, bị thu giữ số tiền 211.000 đồng.

Lê Quang H12 mang theo 550.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì H12 đang hòa tiền, đã đặt cược 50.000 đồng tại bàn, bị thu giữ số tiền 500.000 đồng.

Lê Ngọc V1 mang theo 1.280.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì V1 đang thắng 20.000 đồng, bị thu giữ số tiền 1.300.000 đồng.

Đỗ Thị H15 mang theo 1.250.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì H15 đang thua 153.000 đồng, đã đặt cược 50.000 đồng tại bàn, bị thu giữ số tiền 1.047.000 đồng.

Đỗ Văn T7 mang theo 750.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì T7 đang thua 50.000 đồng, đã đặt cược 50.000 đồng tại bàn, bị thu giữ số tiền 650.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 43/KL-KTHS ngày 13/01/2025 của phòng K1 Công an tỉnh Y kết luận: 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ; 14 (mười bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ; 15 (mười lăm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đ; 16 (mười sáu) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000đ; 28 (hai mươi tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đ; 14 (mười bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000đ; 10 (mười) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đ; 05 (năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000đ; 03 (ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000đ gửi giám định đều là tiền thật. Toàn bộ số tiền 7.863.000 đồng (Bẩy triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) gửi giám định đều là tiền thật

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS-TP ngày 07/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15 và Đỗ Văn T7 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15 và Đỗ Văn T7 phạm tội "Đánh bạc".

* Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 36 BLHS (áp dụng chung đối với T, H2, C, H7, T2, T3, V1, H15). Xử phạt:

+ Phạm Thế T từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Xử phạt các bị cáo Trần Văn H2, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15 mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 36 BLHS (áp dụng chung đối với N1, H12). Xử phạt Nguyễn Hải N1, Lê Quang H12 mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 36 BLHS, xử phạt: Đỗ Văn T7 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Khấu trừ từ 5% -10% thu nhập của các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15 để sung quỹ nhà nước.

* Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15 mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng - 15.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Văn T7 (do bị cáo là người cao tuổi - 83 tuổi).

* Về vật chứng của vụ án: Áp dụng các Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền là 7.863.000 đồng các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc; tịch thu tiêu huỷ 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bát sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho Đỗ Văn T7.

Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, không có tranh luận gì với ý kiến của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà, bị cáo Đỗ Văn T7 và những người làm chứng vắng mặt, nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, bị cáo T7 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được HĐXX chấp nhận; việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 290, 293 BLTTHS, Toà án xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tội danh: Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 16/12/2024, tại xưởng sửa chữa toa xe Y trong khu vực đầu máy Yên Bái, thuộc tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15, Đỗ Văn T7 đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi "xóc đĩa" với tổng số tiền đánh bạc là **7.863.000 đồng** thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia đánh bạc, số tiền bị thu giữ; lời khai của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như bản kết luận điều tra, bản Cáo trạng nên có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi đánh "xóc đĩa" được thua bằng tiền do các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15, Đỗ Văn T7 thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái đã truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX thấy:

Hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên buộc phải nhận thức được hành vi "đánh bạc" là tệ nạn xã hội, làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác và bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do mong muốn thu lợi bất chính nhanh chóng, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, làm giảm hiệu lực quản lý trật tự xã hội của Nhà nước, nên cần đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX thấy:

- Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng người, hành vi phạm tội giữa các bị cáo là tự phát. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Thế T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ để cho các bị cáo khác đánh bạc nên T tham gia với vai trò tích cực hơn các bị cáo khác.

- Về nhân thân: Các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15, Đỗ Văn T7 trước đó chưa từng bị kết án.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo" và "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả 11 bị cáo;

+ Bị cáo Đỗ Văn T7 khi phạm tội là người đã trên 70 tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ: "Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 BLHS;

+ Bị cáo Phạm Thế T có bác ruột là liệt sĩ (liệt sĩ Phạm Văn T10 là anh trai ruột của bố đẻ bị cáo, hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng liệt sĩ Phạm Văn T10), mẹ đẻ của bị cáo được tặng thưởng Bằng khen và nhiều giấy khen; Bị cáo Trần Văn H2 có bố đẻ tham gia dân công hoả tuyến và có ông nội - Trần Đăng L2 là liệt sĩ; bị cáo Nguyễn Viết C có bố đẻ là thương binh, được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Nguyễn Quang H7 có bố đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo Nguyễn Anh T2 có bố đẻ tham gia dân công hoả tuyến trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; Bị cáo Lê Quang T3 có anh ruột là liệt sĩ; Bị cáo Lê Ngọc V1 có mẹ đẻ được tặng thưởng Bằng khen và nhiều giấy khen trong quá trình công tác; Bị cáo Đỗ Thị H15 có bố đẻ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương hạng 3 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt.

-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, *các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, số tiền các bị cáo sử dụng* để đánh bạc trong vụ án, HĐXX xem xét, cân nhắc, áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với từng bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm. Các bị cáo đều chưa có tiền án, có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội; đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phần lớn có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà có thể áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự cho các bị cáo cải tạo tại cộng đồng dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung…thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Pháp luật Nhà nước đối với người phạm tội.

Đây là vụ án có đồng phạm nên áp dụng các Điều 17, 58 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về khấu trừ thu nhập: Các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15 đều làm công nhân, có thu nhập ổn định nên bị khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang

T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

[7] Đối với Đỗ Văn T7 là người già, tại thời điểm xét xử đã 83 tuổi, không có việc làm, thu nhập nên không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Tại thời điểm các bị cáo đánh bạc, có mặt của Đào Văn M, Phùng Lâm T8, Nguyễn Duy Thị L1, Vũ Duy H16, tuy nhiên quá trình điều tra xác định: M, T8, L1, H16 có mặt tại địa điểm nơi các bị cáo đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc, không giúp sức và không hưởng lợi từ hành vi đánh bạc của các bị cáo. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với M, T8, L1, H16 là phù hợp.

Đối với Trần Anh V4 là người quản lý tại Trạm khám chữa toa xe Yên Bái, chi nhánh T12, quá trình điều tra xác định: Khi thấy các đối tượng tham gia đánh bạc thì V4 đã khuyên can nhưng không được và ngay sau đó các bị cáo đã bị phát hiện bắt quả tang. Đồng thời Trần Anh V4 cũng không tham gia đánh bạc. Do đó, hành vi của Trần Anh V4 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Về vật chứng của vụ án:

+ Về số tiền sử dụng để đánh bạc: Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc bị thu giữ là 7.863.000 đồng (trong đó số tiền của mỗi bị cáo là: Phạm Thế T 950.000 đồng; Trần Văn H2 230.000 đồng; Nguyễn Hải N1 14.000 đồng; Nguyễn Viết C 1.050.000 đồng; Nguyễn Quang H7 13.000 đồng; Nguyễn Anh T2 1.416.000 đồng; Lê Quang T3 360.000 đồng; Lê Quang H12 550.000 đồng; Lê Ngọc V1 1.280.000 đồng; Đỗ Thị H15 1.250.000 đồng; Đỗ Văn T7 750.000 đồng) và 01 đĩa sứ màu trắng; 01 bát sứ màu trắng và 04 quân vị hình tròn; Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Đối với tiền bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước; các vật chứng còn lại bị tịch thu tiêu huỷ.

[10] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, riêng đối với Đỗ Văn T11 được miễn tiền án phí.

[12] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15, Đỗ Văn T7 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1.Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 36 BLHS (áp dụng chung đối với các bị cáo T, H2, C, H7, T2, T3, V1, H15). Xử phạt:

+ Phạm Thế T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ;

+ Trần Văn H2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

+ Nguyễn Viết C 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

+ Nguyễn Quang H7 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

+ Nguyễn Anh T2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

+ Lê Quang T3 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

+ Lê Ngọc V1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

+ Đỗ Thị H15 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 36 BLHS (áp dụng chung đối với các bị cáo N1, H12). Xử phạt:

+ Nguyễn Hải N1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

+ Lê Quang H12 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 36 BLHS, xử phạt: Đỗ Văn T7 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ, từ ngày 16/12/2024 - 19/12/2024, được quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo Trần Văn H2, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15 và Đỗ Văn T7, mỗi bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Phạm Thế T còn phải chấp hành 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Y nhận được quyết định thi hành án.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15, Nguyễn Hải N1, Lê Quang H12 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.3. Về khấu trừ thu nhập: Các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15, Nguyễn Hải N1, Lê Quang H12 bị khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước.

2.4. Không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Văn T7.

- Giao các bị cáo Phạm Thế T, Nguyễn Quang H7 cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Giao các bị cáo Nguyễn Viết C, Lê Quang T3, Lê Quang H12, Đỗ Thị H15, Đỗ Văn T7 cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

- Giao bị cáo Trần Văn H2 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

- Giao bị cáo Nguyễn Hải N1 cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

- Giao bị cáo Nguyễn Anh T2 cho Ủy ban nhân dân xã Â, thành phố Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

- Giao bị cáo Lê Ngọc V1 cho Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban các xã, phường có tên nêu trên trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.863.000 đồng;

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bát sứ màu trắng và 04 quân vị hình tròn;

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15, Nguyễn Hải N1, Lê Quang H12 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đỗ Văn T7.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 BLTTHS: Các bị cáo Phạm Thế T, Trần Văn H2, Nguyễn Viết C, Nguyễn Quang H7, Nguyễn Anh T2, Lê Quang T3, Lê Ngọc V1, Đỗ Thị H15, Nguyễn Hải N1, Lê Quang H12 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Đỗ Văn T7 vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTPYB;
- Bị cáo TN (11)
- Phòng HSNVCAT;
- THADS thành phố;
- UBND xã, phường (11);
- Cơ quan CSĐTCAT;
- THAHS (22 bản);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy